

Số: 01/2020/QĐST-KDTM

Đ, ngày 12 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: N; địa chỉ trụ sở: Số 108, T, H, H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lã Văn V; Giám đốc N, chi nhánh tỉnh B; địa chỉ: Số 07, đường T, phường M, thành phố Đ, tỉnh B; Người đại diện theo ủy quyền của ông Lã Văn V: Ông Nguyễn Ngọc Đ - Trưởng phòng tổng hợp N, chi nhánh tỉnh B; địa chỉ: Số 07, đường T, phường M, thành phố Đ, tỉnh B; (Quyết định về việc ủy quyền số 910/QĐ-HĐTV-PC ngày 16/11/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Thông báo số 67/TB-NHCTĐB 16, V/v: Giao nhiệm vụ tham gia tố tụng ngày 16/12/2019 của Giám đốc ngân hàng công thương chi nhánh tỉnh B);

- Bị đơn: C; địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường T, thành phố Đ, tỉnh B, người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Ngọc T

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. C có trách nhiệm trả cho N, chi nhánh B tổng số tiền nợ tính đến 04/02/2020 là 9.939.819.418đ (Chín tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu, tám trăm mười chín nghìn bốn trăm mười tám đồng); trong đó: 8.600.000.000đ (Tám tỷ, sáu trăm triệu đồng) tiền gốc; lãi trong hạn là 116.900.244đ (Một trăm mười sáu triệu, chín trăm nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng); lãi quá hạn là 1.222.919.174đ (Một tỷ hai trăm hai mươi hai triệu, chín trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi tư đồng); Cụ thể tại các hợp đồng tín dụng sau:

1.1. Hợp đồng tín dụng số 28/2018- HĐCVHM/NHCT184 - CTYKDHDB ngày 20/6/2018: Tiền gốc 8.000.000.000đ (*Tám tỷ đồng*), tiền lãi trong hạn là 50.551.339đ (*Năm mươi triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, ba trăm ba mươi chín đồng*), tiền lãi quá hạn là 1.209.819.176đ (*Một tỷ, hai trăm linh chín triệu, tám trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng*);

1.2 Hợp đồng tín dụng số 42/2018- HĐCVDADT/NHCT184 - CTYTNHHTMDVMPTDB ngày 23/8/2018 là: Tiền gốc là 600.000.000.đ (*Sáu trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn là 66.348.401đ (*Sáu mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm linh một đồng*), tiền lãi quá hạn là 13.100.502đ (*Mười ba triệu một trăm nghìn năm trăm linh hai đồng*).

2. Tiếp tục thực hiện các Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thi hành các khoản nợ trên của C như sau:

1.2.1 Hợp đồng thế chấp tài sản số 68/2018/HĐBĐ/NHCT/184 ngày 20/6/2018 giữa N- chi nhánh B và C là Quyền sử dụng đất diện tích 905m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 29, địa chỉ thửa đất: Tổ 11, phường T, thành phố Đ, tỉnh B mang tên C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 642992, sổ vào sổ cấp GCN: CT 01314 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 07/6/2018.

1.2.2. Hợp đồng thế chấp tài sản số 100/2018/HĐBĐ/NHCT/184 ngày 22/8/2018 giữa N - chi nhánh B và C là 01 xe đầu kéo nhãn hiệu CAMC thuộc quyền sở hữu của C, số khung DD35EB012908, số máy 21414H059297, biển kiểm soát 27C - 014.26;

1.2.3. Hợp đồng thế chấp tài sản số 99/2018/HĐBĐ/NHCT/184 ngày 22/8/2018 giữa N- chi nhánh B và C là 01 sơ mi rơ moóc thuộc quyền sở hữu của C, số khung VBG5E0LS300, biển kiểm soát 27R - 000.06;

3. C phải tiếp tục trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn đối với số tiền gốc còn nợ, tính từ ngày 05/02/2020 đến khi thi hành án xong, cụ thể:

3.1. Lãi quá hạn là 13,50 %/ năm đối với số tiền gốc 8.000.000.000đ (*Tám tỷ đồng*) tại hợp đồng tín dụng số 28/2018- HĐCVHM/NHCT184 - CTYKDHDB ngày 20/6/2018;

3.2. Lãi trong hạn 10,50%/ năm đối với khoản tiền 480.000.000đ (*Bốn trăm tám mươi triệu đồng*), tại Hợp đồng tín dụng số 42/2018- HĐCVDADT/NHCT184 - CTYTNHHTMDVMPTDB ngày 23/8/2018 và lãi quá hạn là 15,75%/ năm đối với số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) tại Hợp đồng tín dụng số 42/2018- HĐCVDADT/NHCT184 - CTYTNHHTMDVMPTDB ngày 23/8/2018.

4. Án phí: C chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 58.969.909 đ (*Năm mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm linh chín đồng*).

Trả lại cho N, chi nhánh tỉnh B 58.883.300 đ (*Năm mươi tám triệu tám trăm tám mươi ba nghìn ba trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

đã nộp theo biên lai số AA/2010/08186 ngày 02/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Thi hành án dân sự TP.ĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy Thành